

10.9.2015

Đã gửi HK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Việt Nam học (dành cho sinh viên Việt Nam)
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Việt Nam học
Tên Tiếng Anh	: Vietnamese Studies
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: 52220113

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2211/QĐ – NTT, ngày 29 tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Việt Nam học có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, có sức khỏe, nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức tương đối toàn diện và hệ thống về Việt Nam học, có kĩ năng thực hành về quan hệ quốc tế và năng lực giao tiếp xã hội, sử dụng được một ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn. Cử nhân Việt Nam học có thể làm việc cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam, nước ngoài, các tổ chức quốc tế...

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Nắm vững được kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội;
- Nắm vững được kiến thức cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn; có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Việt Nam học;
- Nắm vững các khái niệm cơ bản về Lịch sử Việt Nam, Ngôn ngữ học và tiếng Việt, Văn học Việt Nam, Thể chế chế chính trị, Tôn giáo tín ngưỡng, Kinh tế, Xã hội Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại; biết vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành;
- Nắm vững kiến thức về cơ sở văn hóa Việt Nam cũng như các tri thức nhất định về tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống như: nghệ thuật biểu diễn, làng xã, mĩ thuật và

11

kiến trúc Việt Nam, các dân tộc thiểu số Việt Nam, di tích lịch sử, thắng cảnh, văn hóa ẩm thực, du lịch Việt Nam...;

- Nắm vững kiến thức cơ bản về một số hoạt động nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành như: nghiệp vụ du lịch, văn phòng, báo chí; có khả năng vận dụng sáng tạo trong các hoạt động cụ thể.
- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ và tiếng Việt; có khả năng sử dụng tiếng Việt trong giảng dạy và nghiên cứu Việt Nam học;
- Nắm vững kiến thức về ngoại ngữ chuyên ngành Việt Nam học (tiếng Anh); có khả năng sử dụng tốt trong việc nghiên cứu tài liệu nước ngoài phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu;
- Nắm vững kiến thức cơ bản về quan hệ Việt Nam và ASEAN, sự tác động lẫn nhau giữa các nước trong khu vực trong lịch sử và trong tiến trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa. Kiến thức bổ trợ: Đạt trình độ TOEIC 400 về tiếng Anh (hoặc tương đương); Đạt trình độ B về tin học ứng dụng; Đạt chứng chỉ kỹ năng giải quyết vấn đề; Đạt chứng chỉ kỹ năng quản lý thời gian; Đạt chứng chỉ kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

1.2.2. Về kỹ năng

- Nắm được kỹ năng giảng dạy Việt Nam học; kỹ năng trong hoạt động du lịch, quản trị văn phòng và thực hiện được kỹ năng nghiên cứu về Việt Nam học;
- Nắm được kỹ năng xác định vấn đề, sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội cần nghiên cứu (như kỹ năng đặt câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết để nghiên cứu vấn đề ...);
- Nắm được kỹ năng xác định các phương pháp cần vận dụng trong nghiên cứu Việt Nam học;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu; các bước, thao tác, kỹ thuật trong nghiên cứu thực nghiệm, điều tra điền dã, thu thập và xử lý số liệu, phát hiện vấn đề nghiên cứu;
- Thực hiện được kỹ năng trình bày các kết quả nghiên cứu qua báo cáo khoa học và trình bày các kết quả nghiên cứu dưới dạng bài báo, chuyên khảo;
- Nắm và thực hiện được kỹ năng tư duy phản biện, khái quát, phát hiện những vấn đề độc đáo của Việt Nam và kỹ năng nhận thức để thấy được cái tốt cần phát huy và những vấn đề bất cập cần hạn chế trong văn hóa Việt Nam.

1.2.3. Về thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật;
- Có thái độ trung thực, tận tụy trong khoa học;
- Có tinh thần đoàn kết, tôn trọng mọi người;
- Có trình độ lý luận chính trị đúng với yêu cầu do Bộ Giáo Dục và Đào tạo đặt ra.

1.2.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp:

- Tham gia giảng dạy về Việt Nam học từ bậc Cao Đẳng trở xuống;
- Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan Văn hoá Thông tin của nhà nước;
- Tư vấn về Việt Nam học cho các doanh nghiệp và tập đoàn, giúp họ có kế hoạch đầu tư thỏa đáng;
- Làm công tác nghiên cứu và quảng bá trong các nhà bảo tàng;
- Làm hướng dẫn viên du lịch;
- Làm việc trong các tờ báo, tạp chí, các cơ quan truyền thông và xuất bản.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 152 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

– Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, với 12 kỳ, trong đó 10 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

– Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10): GIỎI.

B – (7 -> 8,4): KHÁ

C – (5,5 -> 6,9): TRUNG BÌNH

D – (4 -> 5,4): TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4): KÉM.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương ứng với 4.

B tương ứng với 3.

C tương ứng với 2.

D tương ứng với 1.

F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 44 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCHM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn nghệ thuật: 6 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
5	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	
		Tổng	4	60	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	070021	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	
7	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	30	0	
8	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
11	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
12	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
13	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
14	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
15	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
16	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	24	240	240	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070405	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
18	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	070405(a)

		Tổng	4	0	120	
--	--	-------------	----------	----------	------------	--

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
20	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYỂN NGHIỆP: 108 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 15 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	070353	Quản trị học	2	30	0	
22	072837	Xã hội học đại cương	2	30	0	
23	072928	Công tác xã hội đại cương	3	45	0	
24	071648	Phương pháp điều tra xã hội học	2	30	0	
25	072888	Đại cương lịch sử thế giới	3	45	0	
26	072889	Việt Nam trong quan hệ với các nước thuộc khối ASEAN	3	45	0	
		Tổng	15	225	0	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 5 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
27	072890	Phương pháp phân loại và phân cấp di sản văn hóa	3	45	0	
28	072891	Kỹ năng giao tiếp quốc tế	3	45	0	
29	071646	Phương pháp điền dã	2	30	0	
30	071650	Tâm lý học lứa tuổi	2	30	0	
31	001711	Tiền tệ và thanh toán quốc tế	3	45	0	
32	072895	Phương pháp hệ thống và chỉnh lý tư liệu	3	45	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 72 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 60 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
33	072930	Dân tộc học đại cương	3	45	0	

34	072931	Khảo cổ học đại cương	3	45	0	
35	072932	Bảo tàng học đại cương	3	45	0	
36	072933	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45	0	
37	072934	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	3	45	0	
38	072935	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3	45	0	
39	072936	Ngôn ngữ học đại cương	3	45	0	
40	072937	Địa lý Việt Nam đại cương	3	45	0	
41	072938	Địa lý thế giới đại cương	3	45	0	
42	072939	Lịch sử văn hóa Việt Nam đại cương	3	45	0	
43	072940	Cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam	3	45	0	
44	072941	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam đại cương	3	45	0	
45	072942	Quốc hiệu, Niên hiệu, Đế hiệu, Miếu hiệu và Thụy hiệu ở Việt Nam	2	30	0	
46	072943	Lịch sử văn học Việt Nam đại cương	3	45	0	
47	072944	Hệ thống di tích lịch sử và văn hóa Việt Nam	3	45	0	
48	072945	Lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Việt Nam	3	45	0	
49	072946	Anh ngữ thực hành 1	5	30	90	
50	072947	Anh ngữ thực hành 2	5	30	90	
51	072948	Công cuộc khai khẩn đất đai đồng bằng sông Cửu Long thế kỷ XVII và XVIII	3	45	0	
Tổng			60	810	180	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
52	072949	Lịch sử và văn minh Chăm	3	45	0	
53	072950	Các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam	3	45	0	
54	072951	Báo chí và truyền thông Việt Nam hiện đại	3	45	0	
55	072952	Lịch sử pháp quyền Việt Nam	3	45	0	
56	072953	Lịch sử kinh tế Việt Nam	3	45	0	
57	072954	Lịch sử bang giao Việt Nam	3	45	0	
58	072955	Danh nhân văn hóa Việt Nam	3	45	0	
59	072956	Nghệ thuật ca nhạc truyền thống Việt Nam	3	45	0	

60	072957	Nghệ thuật kiến trúc truyền thống Việt Nam	3	45	0	
61	072958	Nghệ thuật hội họa truyền thống Việt Nam	3	45	0	

7.2.3. Thực tập và khóa luận luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 16 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
62	072959	Thực tập tốt nghiệp*	5	0	150	
63	072924	Thực tập chuyên đề	4	0	120	
64	072960	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
65	072961	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	90	
66	072962	Nghịệp vụ biên tập,	2	30	0	
67	072963	Nghịệp vụ báo chí	2	30	0	
		Tổng	16	0	480	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã số	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				12	135	90	
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
3	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
4	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
5	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
6	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101071642	2	30	0	
Học kỳ 2				11	135	60	
Học phần bắt buộc				9	105	60	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070010(a)
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070021	Tiếng Việt thực hành	0101070021	2	30	0	
2	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
3	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	0101071491	2	30	0	
Học kỳ 3				13	180	30	
Học phần bắt buộc				13	180	30	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
3	072837	Xã hội học đại cương	0101072837	2	30	0	
4	072889	Việt Nam trong quan hệ với các nước thuộc khối ASEAN	0101072889	3	45	0	
5	072928	Công tác xã hội đại cương	0101072928	3	45	0	
Học kỳ 4				13	180	30	
Học phần bắt buộc				8	105	30	
1	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
2	071648	Phương pháp điều tra xã hội học	0101071648	2	30	0	
3	072888	Đại cương lịch sử thế giới	0101072888	3	45	0	
Học phần tự chọn				5	75	0	
1	001711	Tiền tệ và thanh toán quốc tế	0101001711	3	45	0	
2	071646	Phương pháp điền dã	0101071646	2	30	0	
3	071650	Tâm lý học lứa tuổi	0101071650	2	30	0	
4	072890	Phương pháp phân loại và phân cấp di sản văn hóa	0101072890	3	45	0	

5	072891	Kỹ năng giao tiếp quốc tế	0101072891	3	45	0	
6	072895	Phương pháp hệ thống và chính lý tư liệu	0101072895	3	45	0	
Học kỳ 5				15	210	30	
Học phần bắt buộc				15	210	30	
1	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
2	072933	Lịch sử Việt Nam đại cương	0101072933	3	45	0	
3	072930	Dân tộc học đại cương	0101072930	3	45	0	
4	072932	Bảo tàng học đại cương	0101072932	3	45	0	
5	072934	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	0101072934	3	45	0	
Học kỳ 6				14	195	30	
Học phần bắt buộc				14	195	30	
1	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
2	072931	Khảo cổ học đại cương	0101072931	3	45	0	
3	072938	Địa lý thế giới đại cương	0101072938	3	45	0	
4	072935	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	0101072935	3	45	0	
5	072942	Quốc hiệu, Niên hiệu, Đế hiệu, Miếu hiệu và Thụy hiệu ở Việt Nam	0101072942	2	30	0	
Học kỳ 7				15	210	30	
Học phần bắt buộc				15	210	30	
1	072936	Ngôn ngữ học đại cương	0101072936	3	45	0	
2	072937	Địa lý Việt Nam đại cương	0101072937	3	45	0	
3	072939	Lịch sử văn hóa Việt Nam đại cương	0101072939	3	45	0	
4	072940	Cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam	0101072940	3	45	0	
5	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	
Học kỳ 8				14	150	120	
Học phần bắt buộc				14	150	120	
1	072941	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam đại cương	0101072941	3	45	0	
2	072943	Lịch sử văn học Việt Nam đại cương	0101072943	3	45	0	
3	072946	Anh ngữ thực hành 1	0101072946	5	30	90	
4	001799	TOEIC 5	0101001799	3	30	30	070411(a)
Học kỳ 9				17	195	120	
Học phần bắt buộc				17	195	120	
1	072944	Hệ thống di tích lịch sử và văn hóa Việt Nam	0101072944	3	45	0	
2	072945	Lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Việt Nam	0101072945	3	45	0	
3	072947	Anh ngữ thực hành 2	0101072947	5	30	90	
4	072948	Công cuộc khai khẩn đất đai đồng bằng sông Cửu Long thế kỷ XVII & XVIII	0101072948	3	45	0	
5	071104	TOEIC 6	0101071104	3	30	30	001799(a)
Học kỳ 10				16	180	120	

Học phần bắt buộc				4	0	120	
1	072924	Thực tập chuyên đề	0101072924	4	0	120	
Học phần tự chọn				12	180	0	
1	072949	Lịch sử và văn minh Chăm	0101072949	3	45	0	
2	072950	Các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam	0101072950	3	45	0	
3	072951	Báo chí và truyền thông Việt Nam hiện đại	0101072951	3	45	0	
4	072952	Lịch sử pháp quyền Việt Nam	0101072952	3	45	0	
5	072953	Lịch sử kinh tế Việt Nam	0101072953	3	45	0	
6	072954	Lịch sử bang giao Việt Nam	0101072954	3	45	0	
7	072955	Danh nhân văn hóa Việt Nam	0101072955	3	45	0	
8	072956	Nghệ thuật ca nhạc truyền thống Việt Nam	0101072956	3	45	0	
9	072957	Nghệ thuật kiến trúc truyền thống Việt Nam	0101072957	3	45	0	
10	072958	Nghệ thuật hội họa truyền thống Việt Nam	0101072958	3	45	0	
Học kỳ 11				5	0	150	
Học phần bắt buộc				5	0	150	
1	072959	Thực tập tốt nghiệp	0101072959	5	0	150	
Học kỳ 12				7	0	210	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				7	0	210	
1	072960	Khóa luận tốt nghiệp	0101072960	7	0	210	
2	072961	Chuyên đề tốt nghiệp	0101072961	3	0	90	
3	072962	Nghiệp vụ biên tập	0101072962	2	30	0	
4	072963	Nghiệp vụ báo chí	0101072963	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm những kiến thức về văn hóa và các giá trị văn hóa mà con người Việt Nam trong mối quan hệ tương quan với tự nhiên và xã hội đã tạo ra trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương - Chương 1: Đại cương về logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Suy luận - Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện - Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở những kiến thức nêu trên, giúp sinh viên có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản. Để hình thành kỹ năng, môn học chú trọng đến thực hành bằng việc làm bài tập trên lớp và ở nhà. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phiên âm và viết hoa tiếng nước ngoài, cách sửa lỗi về dùng từ, các kỹ năng về sử dụng câu, trình bày một văn bản khoa học,...

Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần địa lý kinh tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7

– 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: : Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Giáo dục thể chất: 4 (33, 77, 40)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 4 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học như: bản chất và khoa học của quản trị, sự phát triển các lý thuyết khoa học quản trị, các yếu tố môi trường tác động đến quản trị, quyết định trong quản trị, hoạch định trong quản trị, tổ chức trong quản trị, quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế toàn cầu, người lãnh đạo và hành vi của lãnh đạo, động lực và hành vi giữa các cá nhân, nhóm, quản trị trong nền kinh tế toàn cầu, kiểm tra, kiểm soát trong quản trị.

Xã hội học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những khái niệm và những lý thuyết căn bản nhất về xã hội học. Học xong môn học sinh viên có thể nắm bắt được cách nhìn nhận và phân tích những quá trình và những hiện tượng xã hội dưới góc độ xã hội học.

Công tác xã hội đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu lịch sử và quá trình phát triển, triết lý, giá trị đạo đức; các phương pháp can thiệp; dụng cụ và kỹ năng làm việc trong CTXH; những lĩnh vực CTXH.

Phương pháp điều tra xã hội học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các phương pháp kỹ thuật thu thập thông tin trong xã hội học, các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, làm cơ sở cho các đồng chí trong quá trình đảm nhiệm các vị trí, nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học, trong quá trình học tập.

Đại cương lịch sử thể giới: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có hệ thống về lịch sử thể giới từ thời xã hội nguyên thủy đến nay. Ngoài ra qua học phần này sinh viên phải biết

đánh giá và có quan điểm của riêng mình về những sự kiện của thế giới, lý giải mối quan hệ giữa lịch sử với cuộc sống đương đại.

Việt Nam trong quan hệ với các nước thuộc khối ASEAN: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần giới thiệu khái quát về khối ASEAN, mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị - an ninh, khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo, giữa Việt Nam với các nước Đông Nam Á (chủ yếu với các nước trong khối ASEAN); những thành tựu và hạn chế, những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong mối quan hệ này.

Phương pháp phân loại và phân cấp di sản văn hóa: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên ngành Du Lịch và Việt Nam học những kiến thức phân loại và phân cấp di sản văn hóa trong chuyên ngành về Bảo tồn di sản văn hóa, đúng như quy định trong Luật di sản văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kỹ năng giao tiếp quốc tế: 3(45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhận biết đặc điểm tâm lý – văn hóa của một số dân tộc trên thế giới thông qua cấu trúc diễn ngôn của ngôn ngữ. Kỹ năng sử dụng ngôn từ và phi ngôn từ trong giao tiếp với người nước ngoài.

Phương pháp điền dã: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: điền dã là gì, vị trí của các chuyến điền dã trong công tác nghiên cứu di sản văn hóa. Bước đầu nắm được các phương pháp điền dã. Có khả năng tự tổng kết tư liệu điền dã. Sự hình thành của các phương pháp điền dã. Các phương pháp điền dã cổ điển, hiện đại. Đặc trưng của công tác điền dã trong ngành nghiên cứu di sản văn hóa. Các bước tổng kết và phương pháp hệ thống tư liệu điền dã.

Tâm lý học lứa tuổi: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên được cung cấp những kiến thức về: Đối tượng của tâm lý lứa tuổi; Nhiệm vụ của tâm lý lứa tuổi; Ý nghĩa của tâm lý học lứa tuổi; Phương pháp nghiên cứu và đánh giá sự phát triển tâm ý lứa tuổi.

Tiền tệ và thanh toán quốc tế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế và tiền tệ quốc tế. Trong đó, thanh toán quốc tế với các nội dung như: tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, các phương thức và phương tiện thanh toán áp dụng trong thương mại quốc tế mô tả vấn đề thương mại quốc tế dưới góc độ tác nghiệp cụ thể, còn tiền tệ quốc tế với nội dung như: tài trợ ngoại thương, tín dụng quốc tế giúp người học hiểu toàn diện hơn về quan hệ đầu tư

quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập tới các tổ chức tài chính và tiền tệ thế giới và khu vực bởi các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và định hướng các quan hệ thương mại và tiền tệ quốc tế phát triển.

Phương pháp hệ thống và chính lý tư liệu: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức về các nguồn tư liệu chính; Phương pháp hệ thống; Phương pháp chính lý; Phương pháp đối sánh; Phương pháp chú thích.

Dân tộc học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu nội dung cơ bản về Dân tộc học từ đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành đến các tiêu chí xác định tộc người và các loại hình cộng đồng người, từ các vấn đề chung của xã hội nguyên thủy, các hình thái tôn giáo sơ khai đến một số vấn đề cụ thể của Việt Nam.

Khảo cổ học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Khảo cổ học là gì? Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học; Đại cương về khảo cổ học Việt Nam; Con người và các thời đại khảo cổ; Các thời đại khảo cổ.

Bảo tàng học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: những kiến thức cơ bản về bảo tàng học như: khái niệm bảo tàng và Bảo tàng học; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và cấu trúc của bảo tàng học; đặc trưng và các chức năng xã hội của bảo tàng; phân loại bảo tàng, đặc điểm của hiện vật bảo tàng; hiện vật trưng bày và vai trò của chúng trong hoạt động bảo tàng.

Lịch sử Việt Nam đại cương: 3 (45, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại đến nay và những bài học lớn rút ra từ tiến trình lịch sử lâu dài đó. Lịch sử Việt Nam được nhìn từ ba dòng lớn nhất: lịch sử dựng nước, lịch sử giữ nước và Việt Nam trong các mối quan hệ với thế giới rộng lớn.

Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam: khái niệm, sự phát triển, đặc điểm, vai trò, của tôn giáo tín ngưỡng trong đời sống văn hoá Việt Nam, mối quan hệ giữa tín ngưỡng tôn giáo và di tích, những vấn đề đặt ra trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt nam hiện nay. Đồng thời thông qua học phần, rèn luyện kỹ năng tác nghiệp cho sinh viên liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo khi là một hướng dẫn viên du lịch sau này.

Các nền văn minh cổ ở Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu sự hình thành và phát triển của các nền văn minh cổ ở Việt Nam.

Ngôn ngữ học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên bốn nội dung cơ bản nhất về ngôn ngữ: Bản chất và chức năng của ngôn ngữ; Hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ; Cơ chế hoạt động của ngôn ngữ; Ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

Địa lý Việt Nam đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức địa lý Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý. Các nhân tố tác động đến địa lý Việt Nam. Vài nét về địa lý tự nhiên, địa lý tổ chức, địa lý kinh tế Việt Nam.

Địa lý thế giới đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về: Quá trình nghiên cứu về địa lý thế giới; Sự hình thành các châu lục; Địa lý tự nhiên của các châu lục; Khí hậu của các châu lục; Địa lý một số quốc gia đại diện.

Lịch sử văn hóa Việt Nam đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên mới có thể tiến hành xây dựng những bài thuyết trình, giới thiệu cho du khách về lịch sử, những công trình và những dấu tích hiện hữu của văn hóa Việt Nam.

Cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam: 3(45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị những kiến thức tổng quan về các tộc người ở Việt Nam trên các phương diện địa lý, dân cư, lịch sử tộc người, kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống của các tộc người.

Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững bức tranh tộc người ở nước ta, có những hiểu biết cơ bản về những đặc trưng văn hóa tộc người ở các tộc, mối quan hệ giao lưu lịch sử-văn hóa giữa các cư dân bản địa ở đây với các tộc người bản địa trong khu vực Đông Nam Á.

Quốc hiệu, Niên hiệu, Đế hiệu, Miếu hiệu và Thụy hiệu ở Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là các khái niệm rất cơ bản và cũng là một trong những chiếc chìa khóa để mở cánh cửa vào quá khứ. Sự lần lượt xuất hiện của các khái niệm cơ bản này trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam. định nghĩa, tập huấn về kỹ năng tra cứu, đối sánh với Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Lịch sử văn học Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu tóm tắt về: Cội nguồn của văn học Việt Nam. Thần thoại, cổ tích, truyền thuyết trong văn học cổ đại. Quá trình hình thành và phát triển của văn học chữ Hán. Vài nét về văn học Lý – Trần. Sự ra đời của văn học chữ Nôm. Các tác giả và tác phẩm phân lớp của văn học Lý – Trần. Những tổ chức sáng tác văn học đầu tiên. Văn học dân gian thế kỷ 16, 17, 18 và vấn đề của văn học chữ Nôm: Thể loại mới, xu hướng mới, tư tưởng mới. Các tác giả nữ tiêu biểu. Văn học thời Nguyễn, Văn học thời cận đại, văn tự mới, thể loại mới, phong cách mới. Vai trò của báo chí, xuất bản, lý luận phê bình và tổ chức sáng tác với tổ chức văn học. Văn học Việt Nam hiện đại, đường lối của Đảng về văn học và nghệ thuật.

Hệ thống di tích lịch sử và văn hóa Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: những kiến thức cơ bản về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa như: khái niệm, mục tiêu bảo tồn di tích; các hoạt động bảo tồn di tích trên thế giới và ở Việt Nam; các khâu nghiệp vụ bảo tồn di tích và bảo tàng hóa di tích.

Lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: những kiến thức cơ bản về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa như: khái niệm, mục tiêu bảo tồn di tích; các hoạt động bảo tồn di tích trên thế giới và ở Việt Nam; các khâu nghiệp vụ bảo tồn di tích và bảo tàng hóa di tích.

Anh ngữ thực hành 1: 3 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên. Nội dung bài học được thiết kế dưới hình thức phối hợp 4 kỹ năng nghe- nói- đọc- viết, vốn từ chuyên ngành, các bài đọc và tình huống thực hành liên quan nhằm giúp sinh viên rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

Anh ngữ thực hành 2: 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và cấu trúc cơ bản về các chủ đề có liên quan đến Việt Nam học như: Lịch sử văn hoá Việt Nam. Lịch sử văn học Việt Nam. Lịch sử kinh tế Việt Nam. Lịch sử ngoại giao Việt Nam. Lịch sử quân sự Việt Nam. Lịch sử gia đình và phụ nữ Việt Nam. Thông sử Việt Nam. Địa lý Việt Nam. Việt ngữ học... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nâng cao cùng với kỹ năng dịch ngược, dịch xuôi sẽ được giới thiệu và luyện tập suốt quá trình học. Đồng thời học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trả lời phỏng vấn, viết thư xin việc, viết sơ yếu lý lịch, các cách thức tìm kiếm thông tin trên mạng có liên quan đến các nội dung học, kỹ năng thảo luận và làm việc theo nhóm, giúp sinh viên mở rộng

kiến thức về chuyên ngành Việt Nam học nói chung và phục vụ tốt cho sinh viên sau khi ra trường, giúp sinh viên tự tin hơn trong quá trình làm việc.

Công cuộc khai khẩn đất đai đồng bằng sông Cửu Long thế kỷ XVII và XVIII: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Các Chúa Nguyễn với quá trình mở đất về phương Nam. Nghệ thuật khẳng định vùng lãnh thổ mới. Nghệ thuật sử dụng các phương thức khai khẩn khác nhau. Bài học lớn rút ra từ công cuộc khai khẩn của các Chúa Nguyễn.

Lịch sử và văn minh Chăm: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nghiên cứu các chức năng xã hội và việc thực hiện chức năng đó trong các giai đoạn khác nhau của xã hội. Nghiên cứu về vấn đề lý luận và phương pháp khoa học, sử dụng hoạt động trong du lịch và văn hóa Việt Nam. Đối tượng điều khảo và kiến trúc Champa là các di sản văn hóa, bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể, một vấn đề rất quan trọng đối với toàn cầu, không chỉ đối với hiện tại mà cả trong tương lai. Với ý nghĩa như trên, nếu các sinh viên khoa Du lịch, khoa Việt Nam học và châu Á học đưa môn điều khảo và kiến trúc cổ Champa, tôn giáo và tín ngưỡng; các em sẽ được trang bị kiến thức và thông tin thuộc các lĩnh vực trên, góp phần cung cấp kiến thức cho các em hiểu biết thêm về văn hóa Champa.

Các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Tóm tắt quá trình nghiên cứu về các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam. Ngữ hệ Nam Á với 5 nhóm: Việt-Mường, Môn-Khmer, Tày-Thái, Mèo-Đao và Ka-đai (hay Tiêng Thái). Ngữ hệ Malayo-Polinesien hay Nam Đảo với 5 dân tộc cùng sử dụng (Chăm, Gia-rai, Raglai, Êđê và Chu-ru). Ngữ hệ Hán Tạng với hai nhóm là Hán và Tạng Miến. Vấn đề chữ viết của đồng bào các dân tộc ít người.

Báo chí và truyền thông Việt Nam hiện đại: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Lịch sử hình thành của ngành báo chí và xuất bản của Việt Nam. Vai trò to lớn của hoạt động báo chí và xuất bản. Báo viết. Báo nói. Báo hình. Các mạng. Truyền khẩu xã hội. Các hình thức truyền thông phong phú khác. Báo chí và xuất bản với những vấn đề nhạy cảm hiện nay. Về hoạt động xuất nhập khẩu sách báo. Cuộc đấu tranh rất quyết liệt giữa văn hóa và phản văn hóa trong lĩnh vực báo chí và xuất bản. Sứ mệnh của người cầm bút và người làm công tác xuất bản.

Lịch sử pháp quyền Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sự xuất hiện của các cơ quan quyền lực sơ khai. Lịch sử cổ đại và sự tồn tại của các hệ thống luật tục. Quá trình du nhập mang tính áp đặt của luật pháp Trung Quốc. Cuộc khai sinh của các bộ luật tiên khởi ở Việt Nam. Những bộ cổ luật hiện nay còn lưu giữ

được: cấu trúc và nội dung cơ bản. Luật ở Việt Nam thời cận đại. Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

Lịch sử kinh tế Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: : Đối tượng của kinh tế chính trị là quan hệ sản xuất và những mối liên hệ của nó trong sự tương tác qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng, những đối tượng trực tiếp của nó là quan hệ sản xuất. Đối tượng trực tiếp của lịch sử kinh tế gồm các phương thức sản xuất và một bộ phận kiến trúc thượng tầng. Nghiên cứu những điều kiện tự nhiên và xã hội tác động đến nền kinh tế. Lịch sử kinh tế nghiên cứu các cơ cấu kinh tế trong đó cơ cấu sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng, cơ cấu kinh tế ngành; cơ cấu các thành phần kinh tế...

Lịch sử bang giao Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cơ sở hình thành bang giao Việt Nam – Đông Nam Á. Bang giao Việt Nam – Đông Nam Á thời cổ đại và trung đại. Bang giao Việt Nam – Đông Nam Á thời cận đại. Bang Giao Việt Nam – Đông Nam Á thời hiện đại.

Danh nhân văn hóa Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu cuộc đời, sự nghiệp về các doanh nhân văn hóa Việt Nam: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh.

Nghệ thuật ca nhạc truyền thống Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Dân ca Việt Nam. Điệu hát dân tộc miền núi phía Bắc. Nhạc cổ truyền Việt Nam. Nhạc cụ dân gian Việt Nam.

Nghệ thuật kiến trúc truyền thống Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Quá trình phát triển nền kiến trúc dân gian Việt Nam gắn liền với môi trường thiên nhiên và hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Những công trình kiến trúc dân gian hầu hết được xây dựng quá các thời kỳ. Kiến trúc nhà ở dân gian. Kiến trúc công cộng dân gian.

Nghệ thuật hội họa truyền thống Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nghệ thuật hình khối là thuật ngữ chúng tôi dùng để chỉ hai loại hình nghệ thuật có liên quan mật thiết với nhau là hội họa (hình) và điêu khắc (khối). Vài nét về nghệ thuật Hình Khối Việt Nam. Tính biểu trưng của nghệ thuật hình khối Việt Nam. Tính biểu cảm, tính tổng hợp và tính linh hoạt của nghệ thuật Hình khối Việt Nam.

Nghịệp vụ biên tập: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Khai thác các nguồn tư liệu tài liệu, tin, bài, đề tài, nhận xét tuyển chọn, biên tập nhằm nâng cao chất lượng, tổng kết chuyên môn nghiệp vụ, tham gia chuẩn bị nội dung các hội thảo nghiệp vụ ngành. Nâng cao chất lượng, đảm bảo tư tưởng, nghệ thuật khoa học các bản thảo.

Nghiệp vụ báo chí: 2 (30, 0, 60)

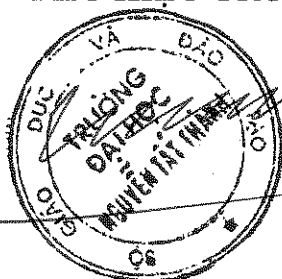
Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Tiếp cận với các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ báo chí một cách bài bản. Nội dung chương trình khóa học được xây dựng 1 cách trọng tâm, logic, đặc biệt có sự kết hợp lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành giúp người học có thể hiểu chính xác về nghề báo, biết cách tác nghiệp và viết 1 sản phẩm báo chí theo đúng thể loại phù hợp.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

P.TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

Trần Hồng Quỳnh

ThS. Phan Thị Ngân

